

Số: 280/BC-CSĐP

Bình phục, ngày 04 tháng 08 năm 2009

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THÁNG 07 NĂM 2009

STT	Chỉ Tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm	Thực hiện tháng 07	Lũy kế	Tỉ Lệ %
I	GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA	1000đ	425.780.486	58.029.179	231.290.102	54,3
	- Giá trị sản lượng hàng hóa cao su	1000đ	425.780.486	58.029.179	231.290.102	54,3
	- Giá trị sản lượng hàng hóa khác					
II	DIỆN TÍCH- NĂNG SUẤT- SẢN LƯỢNG					
1	Diện tích cao su khai thác	ha	7.695,50	7.695,50	7.695,50	100
	Trong đó, diện tích cạo mới	ha	21,96	21,96	21,96	100
2	Năng suất	tấn/ha	2,14		0,93	43,4
3	Sản lượng cao su	tấn	16.500	1.850,73	7.159,96	43,4
3.1	Tồn kho đầu kỳ	tấn	1.635	975,36	1.635	100
3.2	Chế biến trong kỳ	tấn	19.000	1.927,47	8.113,35	42,7
	- Cao su khai thác	"	16.500	1.768,67	7.190,91	43,6
	- Cao su thu mua	"	2.500	158,80	922,44	36,9
3.3	Tiêu thụ trong kỳ	tấn	19.500	2.132,68	8.978,21	46
	- Xuất khẩu trực tiếp	"	10.348	764,10	3.502,53	33,8
	- Ủy thác xuất khẩu	"	2.206			
	- Nội tiêu	"	6.946	1.368,59	5.475,69	78,8
3.4	Tồn kho cuối kỳ	tấn	1.135	770,15	770,14	67,9
4	Kim ngạch XK trực tiếp và ủy thác XK	USD	16.317.417	1.316.130,0	5.919.590,19	36,3
	Trong đó, kim ngạch xuất khẩu trực tiếp	USD	13.390.697	1.316.130,0	5.919.590,19	44,2
III	KHỐI LƯỢNG XDCB TỰ LÀM					
1	Chăm sóc cao su KTCB					
	- Diện tích	ha	2.132,98	2.132,98	2.132,98	100
	- Giá trị	1000đ	13.136.482	1.094.707	7.662.948	58,3
2	Tái canh - trồng mới					
	- Diện tích	ha	422,04	50,00	422,04	100
	- Giá trị	1000đ	6.641.463	550.780	4.649.024	70
IV	HOẠT ĐỘNG SXKD					
1	Giá thành tiêu thụ bình quân					
1.1	Mủ cao su tự khai thác					
1.1.1	Giá thành tiêu thụ bình quân	đ/tấn	16.767.249	16.767.249	16.767.249	100
1.2.1	Tổng giá thành tiêu thụ	1000đ	284.523.448	32.813.113	135.073.163	47,5
1.2	Mủ cao su thu mua					
2.1.1	Giá thành tiêu thụ bình quân	đ/tấn	20.038.198	25.634.198	25.634.198	128
2.1.2	Tổng giá thành tiêu thụ	1000đ	50.716.679	4.070.711	23.646.010	46,6
2	Tổng giá thành tiêu thụ (Khai thác+thu mua)	1000đ	335.240.127	36.883.824	158.719.172	47,3
3	Giá bán					
3.1	Giá bán nội tiêu	đ/tấn	20.674.057	26.089.443	23.905.168	115,6
3.2	Giá bán xuất khẩu và ủy thác xuất khẩu	đ/tấn	22.746.121	29.215.545	28.662.987	126
3.3	Giá bán bình quân	đ/tấn	22.008.041	27.209.464	25.761.261	117,1
4	Tổng doanh thu	1000đ	452.380.486	58.029.179	231.290.102	51,1
	Sản xuất kinh doanh cao su	"	425.780.486	58.029.179	231.290.102	54,3
	- Cao su tự khai thác	"	373.454.448	53.950.528	207.597.970	55,6
	- Cao su thu mua	"	52.326.038	4.078.651	23.692.132	45,3

5	Lợi nhuận SXKD	1000đ	90.540.359	21.145.355	72.570.930	80,2
	- Lợi nhuận mủ cao su tự khai thác	"	88.930.999	21.137.415	72.524.808	81,6
	- Lợi nhuận mủ cao su thu mua	"	1.609.359	7.940	46.122	2,9
6	Thanh lý vườn cây cao su	1000đ	20.600.000		21.058.537	102,2
V	CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH		6.304.000		5.874.329	93,2
1	Tiền thuê đất	1000đ	5.800.000	200.000	3.000.000	51,7
2	Thuế giá trị gia tăng	1000đ	500.000		2.871.329	574
3	Thuế khác (môn bài)	1000đ	4.000		3.000	75
VIII	LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG					
1	Lao động bình quân trong danh sách	người	3.935	3.960	3.975	101
2	Tổng quỹ lương	1000đ	178.265.494	11.041.700	62.404.692	35,0
3	Tiền lương bình quân của CBCNV	đồng	3.775.212	2.788.308	2.242.756	59,4
IX	ĐẦU TƯ XDCB TRONG VÀ NGOÀI NGÀNH		165.750.750	5.592.487	38.196.452	23,0
1	Vốn đầu tư XDCB trong năm	1000đ	154.350.750	3.345.487	24.340.972	15,8
1.1	Thiết bị	1000đ	1.004.865		569.000	56,6
1.2	Xây lắp	1000đ	139.806.159	3.345.487	23.771.972	17
	Trong đó, xây lắp NN Cty	"	23.015.097	1.645.487	12.311.972	53,5
	+ Công trình xây lắp	"	2.872.429		1.660.000	57,8
	- Công trình kiến trúc phục vụ sản xuất	"	493.445		60.000	12,2
	- Công trình giao thông	"	2.378.984		1.600.000	67,3
	+ Góp vốn đầu tư các công ty	"	114.647.179	1.700.000	9.800.000	8,5
	- Cty cao su Đồng Phú - Kratie (40%)	"	52.213.997			
	- Cty cao su Đồng Phú-ĐăkNông (90%)	"	39.033.182	1.700.000	8.700.000	22,3
	- Cty CP cao su Sa Thầy	"	3.400.000		1.100.000	32,4
	Dự án HT XLNT NMCB Thuận Phú	"	17.000.000			
2	Trả nợ gốc vay tín dụng dài hạn	1000đ	8.400.000	1.697.000	7.697.000	91,6
3	Trả lãi vay ngân hàng	1000đ	3.000.000	550.000	6.158.480	205,3

**TP. KẾ HOẠCH
(ĐÃ KÝ)**

PHẠM PHI ĐIỀU

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(ĐÃ KÝ)**

NGUYỄN THANH HẢI

Nơi nhận :

- Ban KHĐT- Tập Đoàn
- Ban Giám Đốc Công ty
- Các Phòng ban Công ty